TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC HIỂN
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 54/2024/HNGĐ-ST
Ngày 10-6-2024
V/v tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Mỹ Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Xuân Thành.

Ông Ngô Minh Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thành Thật là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

Ngày 10 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 58/2024/TLST – HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2024 về tranh chấp xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2024/QĐXXST – HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 33/2024/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị Tuyết M, sinh năm 1987 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Tổ 3, xã A, thị xã A, tỉnh Gia Lai.

- *Bị đơn*: Ông Trịnh Minh S, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp N, xã V, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị Tuyết M trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Trịnh Minh S tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V. Trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm xảy ra nhiều mâu thuẫn, tính tình

không còn phù hợp. Hiện tại ông bà đã sống ly thân. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu ly hôn với ông Trịnh Minh S.

Về nuôi con chung: gồm 02 người, tên Trịnh Thiên P, sinh ngày 18/5/2013 và Trịnh Thiên L, sinh ngày 18/5/2013. Sau khi ly hôn bà yêu cầu nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Trịnh Minh S đã được Tòa án tống đạt Thông báo thụ lý, Thông báo về phiên họp và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông Trịnh Minh S vẫn vắng mặt và không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa bà Mvẫn bảo lưu quan điểm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Trịnh Minh S vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Trịnh Minh S.

[2] Về hôn nhân: Bà Lê Thị Tuyết M và ông Trịnh Minh S tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện N, tỉnh Cà Mau theo giấy chứng nhận kết hôn số 129 năm 2012 đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Bà Mnhận thấy cuộc sống của ông bà có nhiều bất hòa, hôn nhân không còn hạnh phúc nên bà Myêu cầu ly hôn, ông Skhông có ý kiến phản hồi. Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng của bà Mvà ông Slà có xảy ra, giữa vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được, nếu duy trì hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc cho ông bà. Xét thấy, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Tuyết M, bà Mđược ly hôn với ông Trịnh Minh S.

[3] Về nuôi con chung: Gồm 02 người, tên Trịnh Thiên P, sinh ngày 18/5/2013 và Trịnh Thiên L, sinh ngày 18/5/2013. Sau khi ly hôn bà Myêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng. Đối với cháu P và L có đơn nguyện vọng sống cùng bà Mai, bà Mđủ điều kiện nuôi con. Ông S không có ý kiến phản hồi về yêu cầu nuôi con của bà M nên căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình Hội đồng xét xử quyết định để bà M tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trịnh Thiên P, sinh ngày 18/5/2013 và Trịnh Thiên L, sinh ngày 18/5/2013. Đương sự không yêu cầu cấp

dưỡng không đặt ra xem xét. Ông Trịnh Minh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

[4] Về chia tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án thì án phí dân sự sơ thẩm bà Lê Thị Tuyết M phải chịu 300.000 đồng. Bà M đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0014910 ngày 06/3/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển được chuyển thu.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56; Điều 81; Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Tuyết M, bà Lê Thị Tuyết M được ly hôn với ông Trịnh Minh S.

Về nuôi con chung: Bà Lê Thị Tuyết M được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trịnh Thiên P, sinh ngày 18/5/2013 và Trịnh Thiên L, sinh ngày 18/5/2013.

Ông Trịnh Minh S có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng quyền thăm con để gây ảnh hưởng đến việc nuôi con của bà Lê Thị Tuyết M.

Về chia tài sản: Không đặt ra xem xét.

Án phí dân sự sơ thẩm bà Lê Thị Tuyết M phải chịu 300.000 đồng. Bà Mđã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0014910 ngày 06/3/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Ngọc Hiển;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hiển;
- UBND xã V, huyện Ngọc Hiển;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Mỹ Phương